TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **118**/2022/DS-ST
Ngày: 09/9/2022
V/v: "*Tranh chấp giao dịch dân sự*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Vân
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hương

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2022/TLST - DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông D (D), sinh năm 1936

Địa chỉ: 09 Joan Long, ST Franklyn, ACT 2913 Canberra Australia.

Đại diện theo ủy quyền: Chị N, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, Tiền Giang.

Bị đơn: Bà C, sinh năm 1958

Địa chỉ: 1/3 hẻm 8 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Chị Như, ông D có mặt; bà C vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2022 của ông D và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Huỳnh Như là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/3/2013, bà C có vay của ông D số tiền 35.000 đô Úc, quy ra tiền Việt thời điểm đó là 761.250.000 đồng (21.750đ/1 đô). Mục đích vay là để kinh doanh (xây nhà trọ cho thuê). Thỏa thuận lãi suất là 1,2%/tháng. Hai bên không thỏa thuận thời hạn vay chỉ nói khi nào ông D có nhu cầu lấy lại vốn thì bà C sẽ trả lại. Tuy nhiên từ năm 2019 đến nay ông D nhiều lần yêu cầu bà C trả tiền nhưng bà C không trả.

Nay ông D yêu cầu bà C trả lại số tiền 35.000 đô Úc tại thời điểm khởi kiện tương đương 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ tháng 01/2019 đến thời điểm xét xử.

Ngày 11/7/2022, ông D có đơn xin rút lại yêu cầu tính tiền lãi chậm trả.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bà C đến Toà để tham gia phiên họp, phiên hoà giải và phiên tòa nhưng bà C đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông D yêu cầu bà C trả số tiền nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Ông D khởi kiện yêu cầu bà C trả tiền nợ vay là 35.000 đô la Úc. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông D là *Giấy xác nhận điện chuyển tiền* ngày 18/3/2013 do ông D cung cấp thể hiện ông D có chuyển cho bà C số tiền 35.000 đô la Úc. Tuy nhiên nội dung của giấy chuyển tiền không thể hiện mục đích của việc chuyển tiền là cho vay như ông D trình bày. Do đó, không có cơ sở xác định giữa ông D và bà C xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 mà chỉ xác định bà C có nhận của ông D số tiền 35.000 đô la Úc.

[4] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C tuy nhiên bà C không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông D. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định bà C còn nợ ông D số tiền là 35.000 đô la Úc.

[5] Trong vụ án này, giao dịch chuyển tiền giữa ông D với bà C chỉ đủ cơ sở xác định là giao dịch chuyển tiền một chiều theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Pháp lệnh Ngoại hối. Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối quy định: *"Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư*

trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam". Do đó, giao dịch giữa ông D và bà C là vô hiệu theo quy định tại Điều 128 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Về hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu: Theo quy định tại Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập. Các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Bà C có nghĩa vụ trả lại cho ông D số tiền 35.000 đô la Úc được quy thành tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử là 555.975.000 đồng (15.885 đồng/1 đô la Úc). Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông D xác định ông D yêu cầu đòi 35.000 đô la Úc và quy thành tiền VNĐ theo tỷ giá tại thời điểm xét xử. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc. Do đó, lãi chậm trả đối với tiền nợ gốc sau khi xét xử được tính kể từ ngày ông D có đơn yêu cầu thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[8] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Ông D rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 256, Điều 128, Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 22 của Pháp lệnh Ngoại hối

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D (D). Buộc bà C trả cho ông D (D) số tiền 555.975.000 đồng (Năm trăm năm mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông D (D) đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ 35.000 đô la Úc.

3. Về án phí:

Bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.239.000 đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông D (D) cho đến khi thi hành án xong, bà C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc